TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-PT
Ngày 27 - 3 - 2018
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lò Văn Điệt

Các Thẩm phán: Ông Ngô Xuân Nghiêm, ông Hoàng Trung Thành

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thu Trang – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa***: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27/3/2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2018/TLPT-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc xin ly hôn. Do bản án sơ thẩm số: 57/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện MS bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2018/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hàng Thị C. Địa chỉ: Bản PH, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về việc chia tài sản: Ông Hàng A V, ông Hàng A H, ông Hàng A P. Địa chỉ: Bản PH, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Sồng A C – Địa chỉ: Bản PH, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Lê Thị L, anh Nguyễn Ngọc D – Địa chỉ: Tiểu khu 3/2, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Ông Hàng A V – Địa chỉ: Bản PH, xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện MS, phòng giao dịch CN. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc C (Tòa án không triệu tập).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn anh Sồng A C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án chị Hàng Thị C trình bày:

Chị và anh Sồng A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Hai người chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C có quan hệ với người phụ nữ khác. Đến tháng 02/2017, bị anh C đánh và đuổi ra khỏi nhà nên hai người sống ly thân từ đó cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung, cháu Sồng A T sinh ngày 18/9/2001, cháu Sồng Thị L sinh ngày 27/10/2002. Chị C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Đất 400m^2 chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại bản PH, xã CN; trên đất có 01 ngôi nhà gỗ 03 gian hai trái lợp ngói do bố mẹ anh C để lại; 01 nhà bếp gỗ; 01 nhà kho thưng gỗ, sàn tre; 01 ti vi tăng âm loa chảo; 01 tủ lạnh; 02 chiếc giường cũ; 02 con lợn; 01 bể nước; 01 chiếc xe máy Sirius; 01 chiếc xe máy thồ ngô; ngoài ra, còn một số tài sản khác anh chị tự thỏa thuận chia gồm: 02 cái quạt, 01 bàn máy khâu, các đồ dùng bát, đĩa, xoong, nồi; 02 gốc đào đang ghép mắt, 03 cây xoài ghép.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện MS. Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, còn có các khoản nợ khác của anh C chị C không thừa nhận là nợ chung của vợ chồng.

Bị đơn anh Sồng A C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, thời gian chung sống, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn đúng như ý kiến của chị C trình bày, anh nhất trí ly hôn. Việc cấp dưỡng nuôi con như chị C yêu cầu, anh không có khả năng.

Về tài sản chung: Anh nhất trí với lời khai của chị C.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ Ngân hàng nhất trí theo thỏa thuận việc trả nợ cho Ngân hàng như chị C trình bày. Ngoài ra, anh chị còn có nhiều khoản nợ chung khác như: Nợ vợ chồng chị Lê Thị L, anh Nguyễn Ngọc D số tiền là 37.800.000đ; nợ anh Sồng A C số tiền 50.000.000đ. Đề nghị chị C phải có trách nhiệm trả ½ số tiền nợ này cùng với anh.

Nợ ông Đỗ Xuân L 39.000.000đ; nợ ông Phạm Văn T 17.000.000đ, đối với hai khoản nợ này, ông L, ông T không yêu cầu giải quyết trong vụ án anh cũng không có ý kiến gì, khi nào ông L, ông T có yêu cầu thì anh sẽ yêu cầu chị C sau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L, anh Nguyễn Ngọc D trình bày:

Anh chị là người đầu tư tiền vốn cho các hộ dân tại bản PH, trong đó có vợ chồng anh Sồng A C, chị Hàng Thị C. Theo sổ ghi nợ từ cuối năm 2015 đến ngày 10/11/2016, vợ chồng còn nợ gia đình chị số tiền 37.800.000đ. Đề nghị anh C, chị C có trách nhiệm trả nợ.

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện MS, phòng giao dịch CN trình bày: Theo hợp đồng tín dụng số 46-20140 HĐTD ngày 24/11/2014, anh Sồng A C, chị Hàng Thị C có vay Ngân hàng số tiền là 50.000.000đ, thời gian vay 24 tháng, mục đích vay mua bò. Tính đến ngày 14/12/2017, còn nợ lại Ngân hàng là 25.000.000đ, Ngân hàng nhất trí theo sự thỏa thuận việc trả nợ cụ thể: Anh C có trách nhiệm trả 5.000.000đ và tiền lãi phát sinh; chị C có trách nhiệm trả 20.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến thời điểm trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hàng A V trình bày: Toàn bộ các thửa đất ông cho anh C, chị C mượn để canh tác đều là đất để trồng rừng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số: 57/2018/HNGĐ-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS đã xét xử và quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 14, 15, 16, 53, 81, 82, 83, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hàng Thị C và anh Sồng A C.

2. Về con chung: Giao cháu Sồng A T, sinh ngày 18/9/2001, cháu Sồng Thị L sinh ngày 27/10/2002 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con Sồng Thị L cùng chị C mỗi tháng là 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu L trưởng thành. Sau khi ly hôn, anh C được quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh C thực hiện quyền này theo quy định của Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Chị C được quản lý và sử dụng 200m^2 đất thổ cư chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thuộc thửa số 12, tờ bản đồ số 62, bản đồ dải thửa năm 2014). Tại bản PH, xã CN, huyện MS có chiều rộng 10m, chiều dài 20m; tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông Nam giáp đường bản 10m; phía Tây Nam giáp nhà ông Hàng A T 20m; phía Tây Bắc giáp nhà ông Hàng S 10m; phía Đông Bắc giáp anh Sồng A C 20m. Tổng giá trị đất là 22.000.000đ. Trên đất có 01 nhà bếp gỗ lợp fibro xi măng diện tích 51,03m^2 trị giá 2.000.000đ; 01 nhà kho, thưng gỗ sàn tre trị giá 1.000.000đ; 02 con lợn trị giá 2.400.000đ; 01 chiếc xe máy thồ ngô trị giá 1.000.000đ; 01 chiếc tủ lạnh trị giá 1.500.000đ; một số tài sản các bên không yêu cầu định giá: 01 bàn máy khâu cũ, 01 giường cũ, 01 cái quạt, 02 cây đào đang ghép mắt. Tổng giá trị tài sản chị C được nhận là 29.900.000đ.

- Anh C được quyền quản lý và sử dụng các tài sản: 200m^2 đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thuộc thửa số 12, tờ bản đồ 62 bản đồ giải thửa năm 2014). Tại bản PH, xã CN, huyện MS có chiều rộng 10m, chiều dài 20m, có tứ cận tiếp giáp như sau: Phía Đông Nam giáp đường bản 10m; phía Tây Nam giáp đất chị C 20m; phía Tây Bắc giáp nhà ông Hàng Súa 10m; phía Đông Bắc giáp ông Hàng A Tồng 20m. Tổng trị giá đất là 22.000.000đ. Trên đất có 01 ngôi nhà gỗ ba gian hai trái lợp ngói trị giá 10.000.000đ, 01 bể nước trị giá 4.000.000đ; 01 chiếc xe máy Sirius anh C đã bán khi chưa được sự đồng ý của chị C có giá 6.500.000đ; 01 bộ ti vi, loa, tăng âm, đầu chảo trị giá 3.000.000đ, một số tài sản khác anh chị không yêu cầu định giá tự phân chia gồm: 01 giường cũ, 01 cái quạt cũ, 03 cây xoài ghép nhỏ. Tổng giá trị tài sản anh C được nhận là 45.500.000đ.

- Chị C phải tự tháo rỡ di dời tài sản là nhà bếp được chia đang lấn sang quyền sử dụng đất của anh C.

4. Về nợ chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh C, chị C về trách nhiệm trả nợ chung cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện MS, phòng giao dịch CN.

- Buộc chị C có trách nhiệm trả 20.000.000đ tiền gốc cùng tiền lãi phát sinh tương ứng với số tiền gốc nhận trả khi đến thời hạn trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Buộc anh C có trách nhiệm trả 5.000.000đ tiền gốc cùng tiền lãi phát sinh tương ứng số tiền gốc nhận trả khi đến thời hạn trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

- Buộc anh Sồng A C có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 37.800.000đ cho chị Lê Thị L và anh Nguyễn Ngọc D.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 05/02/2018, bị đơn anh Sồng A C có đơn kháng cáo. Nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm đưa ngôi nhà là tài sản bố mẹ anh để lại vào khối tài sản chung để chia là không đúng; không nhất trí việc cấp dưỡng nuôi con; đưa 04 mảnh đất nương chị C đang canh tác vào để chia cho công bằng; chia khoản nợ tiền bán bò của bố mẹ anh để xây bể nước; buộc anh phải trả toàn bộ số tiền nợ của vợ chồng chị Lam, anh Dũng là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến tranh luận của bị đơn: Giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, đề nghị xem xét khoản nợ chị L, anh D, mục đích vay tiền để sử dụng chung.

Ý kiến tranh luận của nguyên đơn: Không nhất trí yêu cầu của bị đơn đề nghị Tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến tranh luận của chị L, anh D: Đối với khoản nợ chung của vợ chồng đề nghị hai bên thỏa thuận để thực hiện việc trả nợ.

Tại phiên toà phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về quá trình thực hiện tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Xét kháng cáo của anh Sồng A C không nhất trí việc cấp dưỡng nuôi con là không có căn cứ để chấp nhận. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có nghĩa vụ cấp dưỡng. Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C với mức 1.000.000đ/tháng cho cháu Sồng Thị L là phù hợp.

[2] Về tài sản chung: Đối với ngôi nhà anh C, chị Chía đều khai nhận do bố mẹ anh C để lại cho vợ chồng ở từ năm 2007, quá trình sử dụng vợ chồng anh chị đã sửa chữa, thay thế nhiều vật liệu. Ông bà không có yêu cầu trả lại nhà nên được xác định là tài sản chung. Anh C không đồng ý nhưng không đưa ra được các căn cứ để chứng minh nên không có cơ sở để xem xét.

- Đối với 04 mảnh nương anh C yêu cầu chia, ngày 25/12/2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh tại địa chính xã CN, huyện MS, tỉnh Sơn La. Xác định 04 mảnh đất nương này đều thuộc đất lâm nghiệp giao cho chính quyền bản PH quản lý, không được phép sử dụng để canh tác trồng ngô nên không chấp nhận yêu cầu đòi chia của anh C.

[3] Về nợ chung: Đối với khoản nợ chị Lê Thị L, anh Nguyễn Ngọc D số tiền 37.800.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh C, chị C đã vay ba lần cụ thể: lần 1 là 5.000.000đ; lần 2 là 7.000.000đ; lần 3 là 500.000đ, tổng số tiền vợ chồng vay là 12.500.000đ; số tiền còn lại 25.300.000đ, được xác định là khoản nợ riêng của anh C do anh không chứng minh được mục đích vay.

Tại cấp phúc thẩm, anh C cũng không đưa ra được các căn cứ khác để chứng minh nên chỉ buộc chị C phải trả ½ số tiền của 12.500.000đ là 6.250.000đ, anh C phải trả là 31.550.000đ. Do anh C phải trả tiền chênh lệch tài sản cho chị C số tiền là 7.800.000đ nên cần buộc anh C có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc cho chị Lam, anh Dũng là 37.800.000đ. Đúng ra anh C còn phải trả lại cho chị C số tiền là 1.550.000đ nhưng chị C không kháng cáo, không có yêu cầu nên cần được giữ nguyên.

- Đối với yêu cầu đòi chia khoản nợ tiền bán bò của bố mẹ anh C để xây bể nước thấy rằng, bò được bố mẹ cho vợ chồng đã bán từ năm 2012, sử dụng vào mục đích chung, ông bà không có yêu cầu nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh C, chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản vay Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng là không đúng, cần được sửa lại. Anh Sồng A C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do bản án sơ thẩm bị sửa.

Từ sự phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Sồng A C. Sửa bản án sơ thẩm số: 57/2018/HNGĐ-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện MS như sau:

1. Về con chung: Giao cháu Sồng A T, sinh ngày 18/9/2001, cháu Sồng Thị L sinh ngày 27/10/2002 cho chị Hàng Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Sồng A C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Sồng Thị L cùng chị C mỗi tháng 1.000.000đ/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 02/2018 cho đến khi cháu Ly trưởng thành đủ 18 tuổi.

2. Về nợ chung: Buộc anh Sồng A C có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc là 37.800.000đ (ba mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng) cho chị Lê Thị L, anh Nguyễn Ngọc D.

3. Về án phí: Chị Hàng Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần tài sản được chia 1.495.000đ; án phí đối với khoản nợ phải trả 390.000đ; án phí xin ly hôn 300.000đ, tổng cộng 03 khoản 2.185.000đ, được trừ số tiền 300.000đ, tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 04602 ngày 25/7/2017, còn phải nộp tiếp số tiền 1.885.000đ (một triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn đồng), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS.

- Anh Sồng A C phải chịu án phí chia tài sản là 1.885.000đ; án phí đối với khoản nợ chung là 1.500.000đ; án phí cấp dưỡng định kỳ là 300.000đ, tổng cộng 03 khoản 3.685.000đ; không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 04736 ngày 07/02/2018,

được trừ vào số tiền án phí phải nộp, còn phải nộp tiếp số tiền là 3.385.000đ (ba triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện MS.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 27/3/2018).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện MS;
- Các đương sự;
- UBND xã Còi Nòi, huyện MS;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Lò Văn Điệt